

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CÁC LỚP HỌC PHẦN CTĐT THỨ 2 (BK)
CÁC KHÓA & CÁC NGÔN NGỮ ANH, NHẬT, HÀN QUỐC VÀ TRUNG QUỐC
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
CHÍNH THỨC**

Thời gian thực hiện HK 2 năm học 2024-2025 các khóa 2022, 2023 và 2024: Từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 15/5/2025.

*Thi HK 2 2024-2025 dự kiến từ ngày 15/5/2025 đến hết ngày 29/5/2025. **Học kỳ hè 2024-2025 DỰ KIẾN bắt đầu ngày 2/6/2025***

Sinh viên CTĐT thứ 2 các khoá QH.2023, 2024 lưu ý: các lớp HP sẽ mở theo CTĐT, mỗi học phần sẽ mở 1 lần cho khoá học, sinh viên chưa (không) tích lũy học phần nào sẽ phải ĐK học cùng CTĐT chính quy (nếu có) qua đường link: <https://s.net.vn/EAhJ> ở mỗi HK tương ứng hoặc sẽ học cùng với khoá sau

STT	Tên học phần	Mã LHP	Thứ	Buổi	Giờ	P/GD	Thứ	Buổi	Giờ	P/GD	Ghi chú	SL ĐK Lần 2
Khoá QH.2024 (Ngôn ngữ Nhật) Sinh viên nếu chọn sẽ phải học cả 2 lớp học phần theo		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần					
1	Tiếng Nhật 2A <i>Japanese 2A</i>					Học cùng CQ				Học cùng CQ	HP theo CTĐT	10
2	Tiếng Nhật 2B <i>Japanese 2B</i>					Học cùng CQ				Học cùng CQ	HP theo CTĐT	10
Khoá QH.2023 (Ngôn ngữ Nhật) Sinh viên nếu chọn sẽ phải học cả 2 lớp học phần theo hàng ngang (Lưu ý: Sinh viên chọn 2/3 HP, 6 TC cho HP tự chọn)		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
1	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội <i>Emotional Intelligence and Social Communication</i>	BK-FLF1010-01	2	Sáng	4-6	407-B2					Tự chọn	45
		BK-FLF1010-02	4	Chiều	7-9	407-B2					Tự chọn	44
2	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu <i>Understanding European Community</i>	BK-FLF1006-01	3	Chiều	7-9	509-B2					Tự chọn	47
3	Học tập cùng cộng đồng <i>Service learning</i>	BK-FLF1015-01	5	Chiều	7-9	501-B2					Tự chọn	34
4	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	BK-HIS1056-LMS	Học trên hệ thống LMS/Room vào tối CN (19h30-21h30) (bao gồm các hình thức: online, tự học, hướng dẫn trực tiếp. Nhà Trường sẽ có hướng dẫn cụ thể (hết đợt ĐK lần 1 theo TB), sinh viên ĐK trên Portal theo TB hướng dẫn ĐK LHP				Sinh viên học online Từ 09/02/2025 (sẽ gửi TB bổ sung riêng)				HP bắt buộc	136

5	Nhập môn Việt ngữ học <i>Introduction to Vietnamese Linguistics</i>	BK-VLF1052-LMS	<i>Học trên hệ thống LMS/Room vào tối Thứ 7 (19h30-21h30) (bao gồm các hình thức: online, tự học, hướng dẫn trực tiếp. Nhà Trường sẽ có hướng dẫn cụ thể (hết đợt ĐK lần 1 theo TB), sinh viên ĐK trên Portal theo TB hướng dẫn ĐK LHP</i>				Sinh viên học online Từ 15/02/2025 (sẽ gửi TB bổ sung riêng)				<i>HP bắt buộc</i>	166
6	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1 <i>Japanese Linguistics 1</i>	BK-JAP2001-01	5	Chiều	7-9	407-B2					<i>HP theo CTĐT</i>	12
7	Phiên dịch Nhật – Việt <i>Japanese – Vietnamese Interpretation</i>	BK-JAP3029-01	2	Sáng	1-3	208-B2					<i>HP theo CTĐT</i>	15
8	Biên dịch Nhật – Việt <i>Japanese – Vietnamese Translation</i>	BK-JAP3001-01	5	Chiều	10-12	502-B2					<i>HP theo CTĐT</i>	14
9	Đất nước học Nhật Bản 1 <i>Introduction to Japanese Studies 1</i>	BK-JAP2003-01	2	Sáng	4-6	208-B2					<i>HP theo CTĐT</i>	12
10	Giao tiếp liên văn hóa <i>Intercultural Communication</i>	BK-JAP2004-01	3	Sáng	1-3	200-B2					<i>HP theo CTĐT</i>	10
Khoá QH.2022 (Ngôn ngữ Nhật)			Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
8	Thực tập <i>Internship</i>	BK-JAP4001-01	Theo quy chế, đề án đổi mới thực hành, thực tập của trường ĐHNN									
Khoá QH.2024 (Ngôn ngữ Hàn Quốc) Sinh viên nếu chọn sẽ phải học cả 2 lớp học phần		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
1	Tiếng Hàn 2A <i>Korean 2A</i> <i>(2 buổi/tuần/1 LHP) 3 tiết/ buổi</i>	BK-KOR2082-01	5	Sáng	4-6	102-B3	CN	Sáng	1-3	103-B3	<i>HP theo CTĐT</i>	17
		BK-KOR2082-02	5	Chiều	7-9	102-B3	CN	Sáng	4-6	103-B3	<i>HP theo CTĐT</i>	20
2	Tiếng Hàn 2B <i>Korean 2B</i> <i>(2 buổi/tuần/1 LHP) 3 tiết/ buổi</i>	BK-KOR2083-01	3	Sáng	4-6	102-B3	7	Sáng	1-3	103-B3	<i>HP theo CTĐT</i>	12
		BK-KOR2083-02	3	Chiều	7-9	102-B3	7	Sáng	4-6	103-B3	<i>HP theo CTĐT</i>	27
Khoá QH.2023 (Ngôn ngữ Hàn Quốc) Sinh viên nếu chọn sẽ phải học cả 2 lớp học phần theo hàng ngang. (Lưu ý: Sinh viên chọn		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
6	Tiếng Hàn nâng cao <i>Advanced Korean</i>	BK-KOR2090-01	2	Chiều	7-9	506-B2					<i>HP theo CTĐT</i>	19
7	Ngôn ngữ học Tiếng Hàn 1 <i>Korean Linguistics 1</i>	BK-KOR2001	7	Sáng	1-3	102-B3					<i>HP theo CTĐT</i>	33
8	Đất nước học Hàn Quốc 1 <i>Introduction to Korean Country Studies</i>	BK-KOR2003	3	Sáng	4-6	601-A2					<i>HP theo CTĐT</i>	29

9	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch <i>Theories and Professional Skills for Translators and Interpreters</i>	BK-KOR3008	7	Sáng	4-6	102-B3					HP theo CTĐT	35
Khoá QH.2022 (Ngôn ngữ Hàn Quốc) Sinh viên nếu chọn sẽ phải học cả 2 lớp học phần theo hàng ngang		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
1	Tiếng Hàn Kinh tế thương mại <i>Korean for Economy and Commerce</i>	BK-KOR3011	6	Sáng	4-6	102-B3					HP theo CTĐT	32
2	Đất nước học Hàn Quốc 2 <i>Korean Countries Studies 2</i>	BK-KOR2011	6	Sáng	1-3	102-B3					HP theo CTĐT	33
3	Thực tập <i>Internship</i>	BK-KOR4001-01	<i>Theo quy chế, đề án đổi mới thực hành, thực tập của trường ĐHNN</i>								HP theo CTĐT	
Đối tượng QH.2024 (Ngôn ngữ Anh) Sinh viên nếu chọn sẽ phải học cả 2 lớp học phần theo hàng ngang		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
1	Tiếng Anh Xã hội 2 <i>Social English 2</i> (2 buổi/tuần/1 LHP) 3 tiết/ buổi	BK-ENG2050-01	2	Sáng	1-3	102-B3	7	Sáng	1-3	104-B3	HP theo CTĐT	28
		BK-ENG2050-02	3	Chiều	7-9	103-B3	7	Sáng	4-6	104-B3	HP theo CTĐT	32
		BK-ENG2050-03	4	Sáng	1-3	102-B3	7	Chiều	7-9	103-B3	HP theo CTĐT	31
		BK-ENG2050-04	5	Chiều	7-9	103-B2	CN	Sáng	1-3	104-B3	HP theo CTĐT	26
		BK-ENG2050-05	6	Sáng	1-3	103-B3	CN	Sáng	4-6	104-B3	HP theo CTĐT	18
2	Tiếng Anh học thuật 2 <i>Academic English 2</i> (2 buổi/tuần/1 LHP) 3 tiết/ buổi	BK-ENG2051-01	2	Chiều	7-9	102-B3	7	Sáng	1-3	105-B3	HP theo CTĐT	32
		BK-ENG2051-02	3	Sáng	4-6	103-B3	CN	Sáng	1-3	105-B3	HP theo CTĐT	21
		BK-ENG2051-03	4	Chiều	7-9	102-B3	7	Sáng	4-6	105-B3	HP theo CTĐT	32
		BK-ENG2051-04	5	Sáng	1-3	102-B3	CN	Sáng	4-6	105-B3	HP theo CTĐT	24
		BK-ENG2051-05	6	Chiều	7-9	102-B3	7	Chiều	10-12	103-B3	HP theo CTĐT	30
Đối tượng QH.2023 (Ngôn ngữ Anh) Sinh viên nếu chọn 1 LHP nào sẽ phải học cả 2		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	
6	Biên dịch nâng cao <i>Advanced Translation</i>	BK-ENG3006-01	3	Chiều	7-9	211-B2					HP theo CTĐT	44
		BK-ENG3006-02	5	Sáng	1-3	HT3-C1					HP theo CTĐT	24
		BK-ENG3006-03	7	Sáng	4-6	106-B3					HP theo CTĐT	45

7	Phiên dịch nâng cao <i>Advanced Interpretation</i>	<i>BK-ENG3064-01</i>	3	Sáng	4-6	303-B3					HP theo CTĐT	36
		<i>BK-ENG3064-02</i>	4	Chiều	7-9	303-B3					HP theo CTĐT	29
		<i>BK-ENG3064-03</i>	7	Chiều	7-9	105-B3					HP theo CTĐT	43
Đối tượng: QH.2022 (NN Anh) (Các học phần mở cuối cùng cho QH.2022)		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
1	Biên dịch nâng cao <i>Advanced Translation</i>	<i>BK-ENG3006-04</i>	2	Chiều	7-9	202-B2	Hủy	Hủy	Hủy	Hủy	HP theo CTĐT	1
2	Phiên dịch nâng cao <i>Advanced Interpretation</i>	<i>BK-ENG3064-04</i>	3	Sáng	1-3	303-B3					HP theo CTĐT	10
3	Lý thuyết dịch <i>Translation Theory</i>	<i>BK-ENG3049-01</i>	4	Sáng	4-6	402-C1					HP theo CTĐT	44
4	Các kỹ năng NV b/phiên dịch	<i>BK-ENG3032-01</i>	2	Sáng	1-3	207-B2					HP theo CTĐT	44
5	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse Analysis</i>	<i>BK-ENG2060-01</i>	6	Chiều	7-9	402-C1					HP theo CTĐT	37
6	Giao tiếp liên văn hóa <i>Intercultural Communication</i>	<i>BK-ENG2054-01</i>	5	Sáng	4-6	402-C1					HP theo CTĐT	37
7	Ngữ dụng học tiếng Anh <i>Pragmatics</i>	<i>BK-ENG2057-01</i>	4	Sáng	1-3	402-C1					HP theo CTĐT	44
8	Tiếng Anh kinh tế <i>English for Economics</i>	<i>BK-ENG3072-01</i>	6	Sáng	1-3	402-C1					HP theo CTĐT	17
9	Tiếng Anh tài chính ngân hàng <i>English for Finance and Banking</i>	<i>BK-ENG3073-01</i>	6	Chiều	7-9	401-C1					HP theo CTĐT	25
10	Tiếng Anh giao tiếp trong KD <i>English for Business Communication</i>	<i>BK-ENG3071-01</i>	6	Sáng	4-6	401-C1					HP theo CTĐT	31
11	Tiếng Anh du lịch <i>English for Tourism</i>	<i>BK-ENG3070-01</i>	6	Chiều	10-12	401-C1					HP theo CTĐT	35
12	Báo chí trực tuyến <i>Online Journalism</i>	<i>BK-ENG3029-01</i>	2	Sáng	4-6	401-C1					HP theo CTĐT	43
13	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i> (1 buổi/ tuần/4 tiết/ buổi)	<i>BK-MAT1092-01</i>	CN	Sáng	1-4	106-B3					HP theo CTĐT	41
14	Trong kế cho khoa học xa nội (1 buổi/ tuần/4 tiết/ buổi)	<i>BK-MAT1078-BS</i>	5	Chiều	7-10	509 B2					HP theo CTĐT	49
Khoá QH.2024 (Ngôn ngữ Trung Quốc) Sinh viên nếu chọn sẽ phải học cả 2 lớp học		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK

1	Tiếng Trung Quốc 2A <i>Chinese 2A</i> (2 buổi/ngày/tuần/1 LHP)	BK-CHI2082-01	7	Sáng	Chiều	205-B3	Sáng	Chiều	205-B3	học 10 tuần		
		BK-CHI2082-02	7	S C	1-5 7-11	303-B3	CN	S C	1-5 7-11	303-B3	học 10 tuần	34
		BK-CHI2082-03	7	S C	1-5 7-11	304-B3	CN	S C	1-5 7-11	304-B3	học 10 tuần	34
		BK-CHI2082-04	7	S C	1-5 7-11	305-B3	CN	S C	1-5 7-11	305-B3	học 10 tuần	34
2	Tiếng Trung Quốc 2B <i>Chinese 2B</i> (2 buổi/ngày/tuần/1 LHP)	BK-CHI2083-01	7	S C	1-5 7-11	205-B3	CN	S C	1-5 7-11	205-B3	học 10 tuần	34
		BK-CHI2083-02	7	S C	1-5 7-11	303-B3	CN	S C	1-5 7-11	303-B3	học 10 tuần	34
		BK-CHI2083-03	7	S C	1-5 7-11	304-B3	CN	S C	1-5 7-11	304-B3	học 10 tuần	34
		BK-CHI2083-04	7	S C	1-5 7-11	305-B3	CN	S C	1-5 7-11	305-B3	học 10 tuần	34
3	Tiếng Trung Quốc cơ bản <i>Advanced Chinese Skills</i> (2 buổi/ngày/tuần/1 LHP)	BK-CHI2091-01	7	S C	1-5 7-11	205-B3	CN	S C	1-5 7-11	205-B3	học 4 tuần	34
		BK-CHI2091-02	7	S C	1-5 7-11	303-B3	CN	S C	1-5 7-11	303-B3	học 4 tuần	34
		BK-CHI2091-03	7	S C	1-5 7-11	304-B3	CN	S C	1-5 7-11	304-B3	học 4 tuần	34
		BK-CHI2091-04	7	S C	1-5 7-11	305-B3	CN	S C	1-5 7-11	305-B3	học 4 tuần	34
Khoá QH.2023 (Ngôn ngữ Trung Quốc) <i>(Lưu ý: Sinh viên chọn 2/3 học phần 6 TC</i>		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK
1	Tiếng Trung Quốc 4C <i>Chinese 4C</i>		7	S C	1-5 7-11	302-B3	CN	S C	1-5 7-11	302-B3	HP theo CTĐT	31
2	Tiếng Trung Quốc nâng cao <i>Advanced Chinese Skills</i>		7	S C	1-5 7-11	302-B3	CN	S C	1-5 7-11	302-B3	HP theo CTĐT	31
3	Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese Linguistics 1</i>		7	Sáng	1-5	302-B3					HP theo CTĐT	31
4	Đất nước học Trung Quốc <i>Introduction to Chinese Studies</i>		7	Chiều	7-11	302-B3					HP theo CTĐT	31
5	Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc						CN	Sáng	1-5	302-B3	HP theo CTĐT	31
6	Văn học Trung Quốc <i>Chinese Literature</i>						CN	Chiều	7-11	302-B3	HP theo CTĐT	31
Khoá QH.2022 (Ngôn ngữ Trung Quốc)		Mã LHP	Buổi thứ nhất trong tuần				Buổi thứ 2 hoặc cuối tuần				Ghi chú	SL ĐK

1	Phiên dịch chuyên ngành <i>Advanced Interpretation</i>		7	Sáng	1-5 7-11	206-B3				HP theo CTĐT	30
2	Lý thuyết dịch <i>Translation Studies</i>		7	Chiều	1-5 7-11	206-B3				HP theo CTĐT	30
4	Tiếng Trung Quốc Giao tiếp trong kinh doanh <i>Chinese for Business Communication</i>		CN	Sáng	1-5 7-11				206-B3	HP theo CTĐT	30
3	Tiếng Trung Quốc Du lịch - khách sạn <i>Chinese for Tourism and Hospitality</i>		CN	Chiều	1-5 7-11				206-B3	HP theo CTĐT	30
5	Giao tiếp liên văn hoá <i>Inter-Cultural Communication</i>									HP theo CTĐT	30

Giờ học: Sáng: Tiết 1: 7h00-7h50; 2: 7h50-8h40; 3: 8h45-9h35; 4: 9h50-10h40; 5: 10h45-11h35; 6: 11h35-12h25

Chiều: Tiết 7: 13h00- 13h50; 8: 13h50-14h40; 9: 14h45-15h35; 10: 15h50-16h40; 11: 16h45-17h35; 12: 17h35-18h25

CNN: Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

A2: Toàn nhà A2

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

B2: Khu nhà B2

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

C1: Tòa nhà C1 (trong công trình Khoa Pháp)

GĐ: Giảng đường/tòa nhà

Nguyễn Việt Hùng



SL MAX	Họ và tên GV dạy buổi 1	Số điện thoại	Email	ID hoặc khác	Pass hoặc khác	Họ và tên GV dạy buổi 2
SL MAX	Họ và tên GV dạy buổi 1	Số điện thoại	Email	ID hoặc khác	Pass hoặc khác	Họ và tên GV dạy buổi 2
47	Nguyễn Thị Thu Dung	0984853214				
47	Nguyễn Thị Hợp	0988673573				
47	Đình Hồng Vân	0912370658	dhvan2001@gmail.com			
47	Trần Thị Long	09045250511				
200	Ngô Thanh Mai	0902268995	thanhmai.ulis@gmail			

200	Nguyễn Thị Thu Hương	0941898975	nguyenhuongbr369@gmail.com			
45	(8 tuần đầu) C. Lê Mai Ngân	0363966476	293 175 7199	992931	(7 tuần sau) T. Nguyễn Minh Hoàng	SĐT: 0837567556
45	T. Vũ Đình Quang Anh	097 4187215	568 725 5707	cLDsm9		
45	T. Vũ Đình Quang Anh	097 4187215	568 725 5707	cLDsm9		
45	C. Lê Minh Nguyệt	0973553838	6380820323	Lenguyet		
45	C. Lưu Bích Thảo	0983886826	889 8511 9098	nghenoi4A		
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
32	GVM					Nguyễn Phương Anh
32	GVM					Nguyễn Phương Anh
32	Nguyễn Thị Hồng Vân	0387 444 955				Nguyễn Thị Uyên
32	Nguyễn Thị Hồng Vân	0387 444 955				Nguyễn Thị Uyên
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
45	Nguyễn Thị Thanh Hoa	0984868363				
45	Nguyễn Thúy Hằng	0962848890	nthuyhang187@gmail.com			
45	Lưu Hà Linh	0988681581	halinh5@vnu.edu.vn			

45	Đỗ Thúy Hằng	0377992473	Hang2009nt@gmail.com			
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
	Đinh Thị Như Quỳnh	0966132212				
	GVM					
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
32	Nguyễn Thị Hồng Yến	0356119401	hongenvybg@gmail.com	7382965524	010593	Hứa Kim Ngân
32	Phạm Thị Lệ Tuyết	0986296628	letuyetpham.ulis@gmail.com	8498547553 Pass: 849854		Hứa Kim Ngân
32	Khắc Thị Ánh Tuyết	0964165288	anhtuyetkhac@gmail.com			Nguyễn Anh Hào
32	Đồng Thị Thu Ngân	0907256868	thnat94@gmail.com			Hoàng Vân Trang
32	Trần Thị Anh Thư	0943463639	thutran1010th@gmail.com	8414119010; Pass: 123456		Hoàng Vân Trang
32	Nguyễn Phương Thảo	0769103736	thaonp.ulis@gmail.com	2114322157 Passcode: 111792		Trần Thị Vân Dung
32	Phạm Thị Diệu Ánh	0982120677	phamthidieuanh@yahoo.com	google meet		Hoàng Thị Hồng Hải
32	Đoàn Thị Thu Phương	0917833348		872 566 3935	061115	Trần Thị Vân Dung
32	Nguyễn Hồng Giang	0987468463		206 258 1404	12345	Hoàng Thị Hồng Hải
32	Nguyễn Thị Thịnh	0363109905	thinht@vnu.edu.vn	meeting ID: 888 899 7576	Passcode: 1stmJa	Hoàng Vân Trang
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
35	Trần Phương Linh	0357 344 870	linhtp@vnu.edu.vn			
35	Nguyễn Thị Lan Anh	0967 312 095	lananhvnu2111@gmail.com			
35	Vũ Thị Kim Liên	0987 388 624	kimlien2491@gmail.com			

35	Đỗ Minh Hoàng	0913 515392	dominhhoang@yahoo.com			
35	Đỗ Minh Hoàng	0913 515392	dominhhoang@yahoo.com			
35	Lê Hải Phong	0332411581	phonglh96@gmail.com			
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
45	Tổng Thị Mỹ Liên	0975 281 581	tongthimylie85@gmail.com			
35	Đỗ Minh Hoàng	0913 515392	dominhhoang@yahoo.com			
45	Nguyễn Thị Thùy Trang	0962 054 801	ntttrang.vnu@gmail.com			
45	Nguyễn Ninh Bắc	0904 245158	bacvnu@gmail.com			
45	Nguyễn Thị Linh Yên	090 4909957	linhyen.nguyen@gmail.com			
45	Vũ Hoàng Mai	0983838089				
45	Nguyễn Tuấn Minh	037 5246062	tuaminh7292@gmail.com			
45	Nguyễn Thanh Thủy	098 6411996				
45	Trịnh Ngọc Anh	0869660486				
45	Dương Thị Lê Dung	094 2966105				
45	Lê Thị Hồng Duyên	0912489409				
45	Nguyễn Tuấn Anh	0948631359				
45	Phạm Văn Khánh	0913486811				
45	Phạm Văn Khánh	0913486811				
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>

	Cao Như Nguyệt	0919368856				Nguyễn Hồng Nhân
35	Lê Kim Dung	0912582266				Ng T Kiều Như
35	Bùi Hằng Nga	091253754				Lê Chí Nghĩa
35	Lê Chí Nghĩa	0368419825				Dương Đức Tâm
35	Dương Đức Tâm	0335929696				Nguyễn Thị Luyện
35	Phạm Văn Minh	0912093668				Đình Thu Hoài
35	Ng T Kiều Như					Dương Đức Tâm
35	Nguyễn Quỳnh Trang	0916068099				Lê Chí Nghĩa
35	Cao Như Nguyệt	0919368856				
35	Nguyễn Hồng Nhân	0986833858				
35	Dương Đức Tâm	0335929696				
35	Nguyễn Thị Luyện	0388495085				
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>
35	Hoàng Lê Anh Nguyễn T Bảo Ngân Ngô Minh Nguyệt Trần T Bích Hương	0948320176 0904059114 0982500388 0915157005				
35	Nguyễn Thị Phương Hoàng Lê Anh	0902021984 0948320176				
35	Nguyễn Thị Thu Hà	0837711855				
35	Nguyễn Thu Hà	0915151838				
35	Nguyễn Ngọc Anh	0912093346				
35	Bùi Thị Thuý Phương	0386399669				
SL MAX	<i>Họ và tên GV dạy buổi 1</i>	<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass hoặc khác</i>	<i>Họ và tên GV dạy buổi 2</i>

35	Nguyễn Thị Minh	098 5711978				
35	Phạm Đức Trung	098 8678289				
35	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	0983095785				
35	Đinh Hồng Thu	0903203194				
35						

<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>

872 311 1432	6VCKmV		
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>
0375303853			
0375303853			
0364748942			
0364748942			
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>

<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>
0968887296	nganhua.ulis@gmail.com		
0968887296	nganhua.ulis@gmail.com		
0974682995	anhhaohn59@gmail.com		
0363109905	thinhnt@vnu.edu.vn	Meeting ID: 808 899 7576	Passcode: 1stmJa
0363109905	thinhnt@vnu.edu.vn	Meeting ID: 808 899 7576	Passcode: 1stmJa
0363109905	thinhnt@vnu.edu.vn	Meeting ID: 808 899 7576	Passcode: 1stmJa
0915365174	hnhainvn@gmail.com		
0363109905	thinhnt@vnu.edu.vn	Meeting ID: 808 899 7576	Passcode: 1stmJa
0915365174	hnhainvn@gmail.com		
0363109905	thinhnt@vnu.edu.vn	Meeting ID: 808 899 7576	Passcode: 1stmJa
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>

0368419825			
0335929696			
0388495085			
0902112090			
0335929696			
0368419825			
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>
<i>Số điện thoại</i>	<i>Email</i>	<i>ID hoặc khác</i>	<i>Pass</i>
